

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2023

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: 74.554.060.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế .
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : [mediphar@dng.vnn.vn](mailto:mediphar@dng.vnn.vn)
- Website [www.medipharco.com/](http://www.medipharco.com/) [www.medipharco.com.vn](http://www.medipharco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: MTP

#### a. Quá trình hình thành và phát triển.

##### ✦ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu



tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM — Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

Năm 2019: sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyd BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ; Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập;**

Năm 2020: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT (gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát (Gồm 3 thành viên) nhiệm kì 4 (2020-2025). Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :

- + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
- + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:
- + Thay đổi Tổng giám đốc.

Năm 2021: Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu về việc Bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh;

Năm 2022:

- + Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đã thông qua việc Phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2021. Vốn Điều lệ thay đổi là 74.554.060.000 VNĐ, đồng thời thay đổi Giấy đăng kí kinh doanh lần thứ 12 ngày 22/09/2022 sau khi tăng vốn Điều lệ và bổ sung Ngành nghề kinh doanh
- + Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán ( Lần đầu ngày 13/08/2010)- Đăng kí thay đổi lần thứ 5 ngày 16/09/2022: Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch tại HNX đã thay đổi sau khi phát hành cổ phiếu là : 7.455.406 cổ phiếu.

Thay đổi trong năm 2023: Không có!

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề kinh doanh đăng kí đến thời điểm 31/12 năm 2023:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3.	Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6.	Đầu tư tài chính	6499
7.	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
9.	Kinh doanh, Sản xuất, Xuất nhập khẩu các sản phẩm mục 1,2,3,4	
10.	Dịch vụ Bảo quản thuốc chữa bệnh	8299
11.	Sản xuất rượu vang	1102
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất đồ uống không cồn	1104
13.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm diệt khuẩn trong gia dụng và y tế	2029
14.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn trà túi lọc, trà hòa tan, trà gói thảo dược; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm dinh dưỡng; Bán buôn thực phẩm khác	4632
16.	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
20.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm của công ty	8299
23.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây Dược liệu, Hương liệu hàng năm	01192
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo thực hành tại cơ sở theo nhu cầu của khách hàng	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

**b. Địa bàn kinh doanh chính:**

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

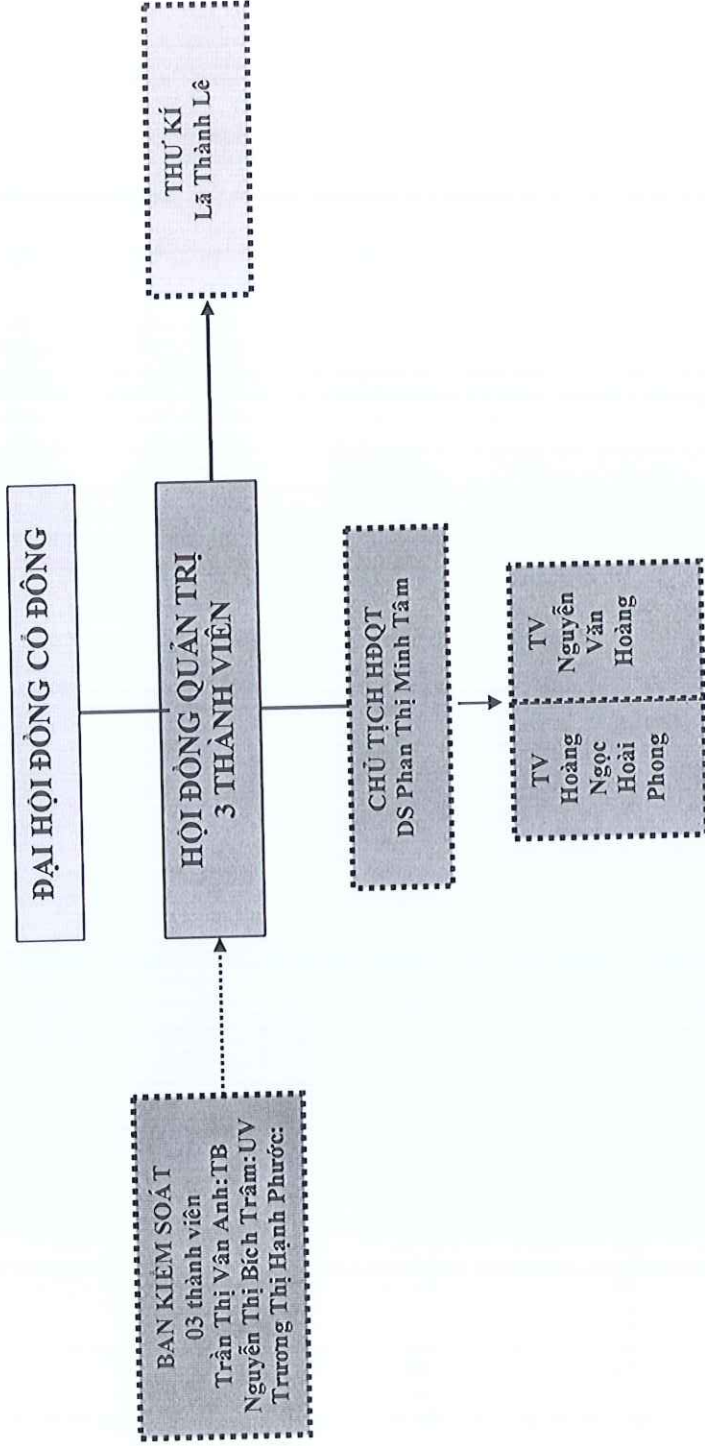
**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

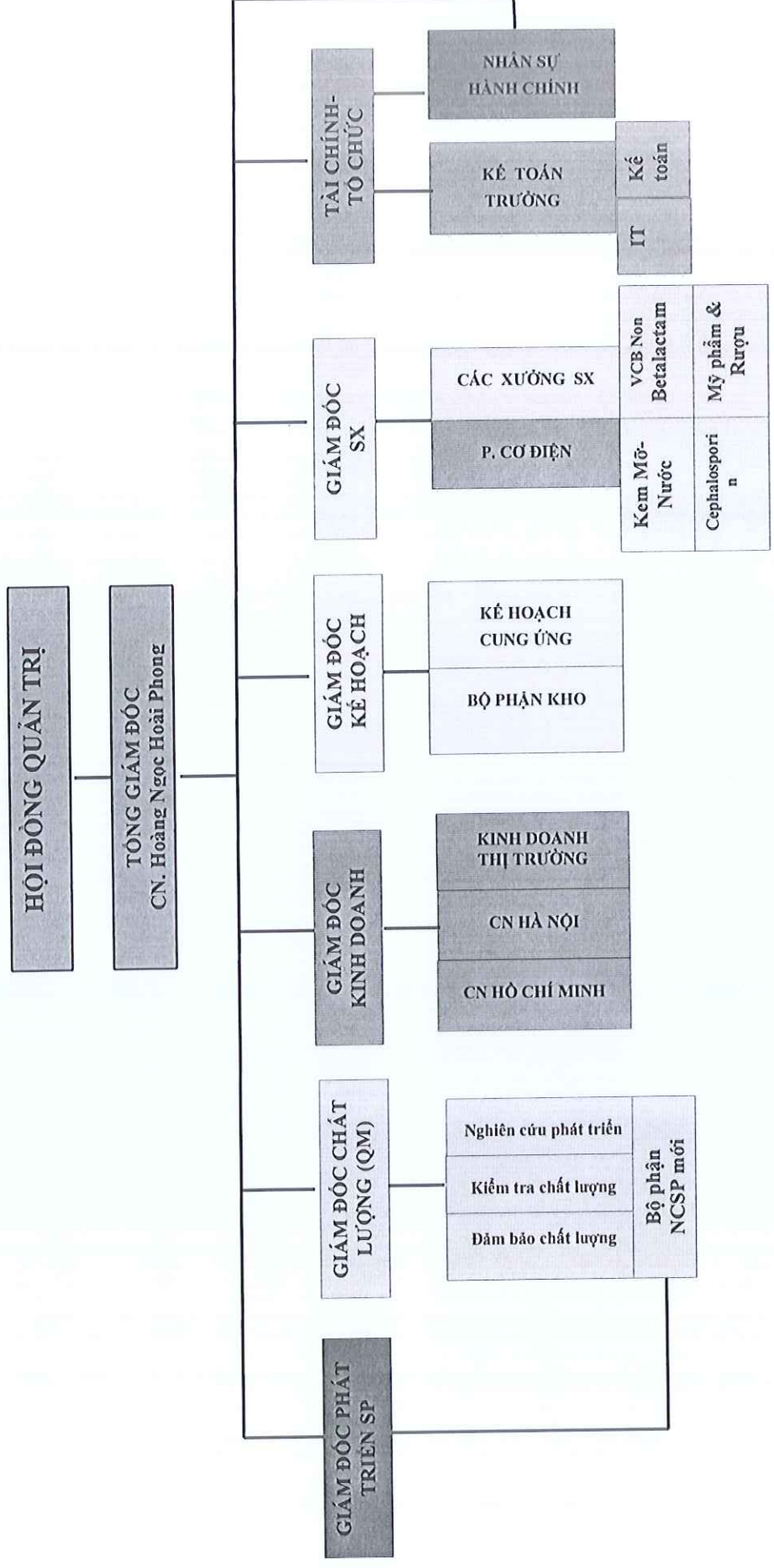
01  
D  
D  
LA  
TH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ- BAN KIỂM SOÁT- THỦ KÍ: Không thay đổi!

✦ 3 người: 1 Chủ tịch + 2 Ủy viên ; Trong đó 1 TV ngoài DN



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ĐẾN NGÀY 1/1/2024:**  
**Bổ sung chức danh Giám đốc KH/ Giám đốc Kinh doanh**



VIỆN HỮU...

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

↳ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển ( R&D), Kiểm tra chất lượng( QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài sản xuất Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP và Sản xuất Hóa Mỹ phẩm

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

**4. Mục tiêu – Định hướng phát triển năm 2024 và đến năm 2025 của HĐQT:**

a) **Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu, mục tiêu phát triển bền vững và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:** Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kỳ 4 ( 2020-2025) đã thông qua.

b) **Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:**

- ❖ Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam. Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: Xây dựng ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân
- ❖ Tiếp tục Xây dựng, củng cố và phát triển Thương hiệu “ MEDIPHARCO” của doanh nghiệp

- ❖ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ❖ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường
- ❖ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm, tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á....

## 5. Các rủi ro:

- ❖ Các bất cập về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế còn nhiều nội dung bất cập trong thời gian chờ sửa đổi và ban hành Luật Dược hoàn chỉnh. Các bất cập khó khăn về Đăng kí/Gia hạn/Duy trì số đăng kí thuốc tại thời điểm 31/12/2024 nếu Luật Dược chưa sửa đổi ban hành; Khó khăn Về Đấu thầu; Về Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực; ..... vẫn còn nhiều tác động tiêu cực đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận
- ❖ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng ( Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước... ) ; Đặc biệt nguồn nguyên liệu, Tá dược SX thuốc khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá tăng đột biến, không ổn định tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ❖ Năm 2024 doanh nghiệp sẽ tiến hành đầu tư nhiều Dự án sẽ bất cập Liên quan Chi phí vay ngân hàng phải đi vay ngân hàng thương mại vì Vốn Điều lệ thấp sẽ tiếp tục bị vướng Quy định “Liên kết” của Bộ Tài chính nếu chưa được sửa đổi!

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2023:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### a) Trong năm 2023- năm thứ 4 của nhiệm kì HĐQT lần thứ 4 ( 2020-2025 ) ,

##### **Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:**

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược hiện hành, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh;
- chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Biến động thị trường Tài chính quốc tế và hậu Covid thường xuyên tác động xấu đến VN- Trong đó có Ngành dược: Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển, giá



điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định.

- Việc cấp số đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SDK ; Những khó khăn liên quan đến số đăng ký của doanh nghiệp là bất cập
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực được theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp
- Khó khăn bất cập về Đấu thầu thuốc
- Việc kê khai lại giá thuốc còn rất nhiều khó khăn
- Khó khăn bất cập khi Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cân đùng trong 1 số ngành- lĩnh vực; Về phân loại mã HS của Hải quan

**b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:**

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát được ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN
- Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động

**c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- ✚ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất , nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 39,6 triệu SPQĐ –đạt 132%/kế hoạch, Gấp 2 lần giai đoạn 2015-2020 với giá trị sản lượng 224 tỷ đồng đạt tỷ lệ 102%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ✚ Về tình hình kinh doanh:
  - Năm 2023 MPC đạt hơn 1.245 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC.
  - MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia
  - Thị trường xuất khẩu cũng có bước phát triển và mở rộng ra khu vực Tây á, Kim ngạch xuất khẩu cán mốc gần 2 triệu USD.
- ✚ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.Đã tiến hành kiểm tra duy trì Giấy chứng nhận GMP, GSP
- ✚ Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả.
- ✚ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện 20 tỷ đồng - vượt 102% so với chỉ tiêu ĐHCĐ đã thông qua
- Lợi nhuận sau thuế: 16 tỷ đồng - vượt 102%;

d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- ⚡ Bổ nhiệm thêm chức danh Quản lý chủ chốt: Kế toán trưởng
- ⚡ Bổ nhiệm mới Phụ trách Bộ phận cơ điện, Bổ nhiệm Quản đốc/Phó quản đốc các xưởng sản xuất

e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện 2022	KH 2023	TH 2023	So sánh thực hiện/KH
	1	2		5		6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.331	980	1245	127%
	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	15,908	19,5	20	102%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	11,358	3,9	4	102%
	Chi phí thuế DN hoãn lại:					
	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	4,556	15,6	16,025	102%

2. Tổ chức và nhân sự.

a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

⚡ Danh sách ban điều hành:

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.
- Danh sách Ban kiểm soát như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4

✦ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	0234 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không

Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	96.505 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	450 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ **TVHĐQT- Tổng giám đốc:**

<b>Họ và tên</b>	<b>Hoàng Ngọc Hoài Phong</b>
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CMTND	191290276
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
<b>Quá trình công tác:</b>	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp. HCM
2006-2008	Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	625.266 cổ phiếu

Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	37.631 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ **TVHĐQT:**

<b>Họ và tên</b>	<b>Nguyễn Văn Hoàng</b>
<b>Giới tính</b>	Nam
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	20/10/1974
<b>Nơi sinh</b>	Thanh hóa
<b>Số CCCD</b>	038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lí Hành chính về trật tự xã hội
<b>Quốc tịch</b>	Việt nam
<b>Dân tộc</b>	Kinh
<b>Quê quán</b>	Thanh hóa
<b>Địa chỉ thường trú</b>	Phòng B707 nhà CT1B , chung cư The Legend, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà nội
<b>Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email</b>	0902252729_email: hoang.tenamyd@yahoo.com
<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
<b>Trình độ lý luận</b>	Sơ cấp
<b>Quá trình công tác:</b>	
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
<b>Chức vụ công tác hiện nay</b>	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không
<b>Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân</b>	1.131.196 cổ phiếu
<b>Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty</b>	Không

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: Không thay đổi như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2023		29/12/ 2023	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96.505	1,29	96.505	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	625.266	8,39	625.266	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.131.196	15,17	1.131.196	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1.196	0.016%	1.196	0.016%
2	Nguyễn Phương Trâm	Thành viên	757.972	10,17%	757.972	10,17%
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi!

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- ✚ Tổng số lao động có đến 31/12/2023: 207 người
- ✚ Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ theo đúng quy định hiện hành!

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu và Thiết bị sản xuất với tổng giá trị Khoảng 9,5 tỷ đồng ( Đã giải ngân và đưa vào sử dụng & Hạch toán)

b) Các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2020, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

### 4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính: :

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm/ %
Tổng giá trị tài sản/Total asset	516,630,216,471	568,567,896,691	110%
Doanh thu thuần/Net revenue	1,328,549,522,763	1,245,795,469,232	94%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	19,751,330,359	20,045,609,053	101%
Lợi nhuận khác/ Other profits	668,564,723	50,229,587	7,5%
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	15,908,090,587	20,095,838,640	126%
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	4,556,912,522	16,020,505,117	352%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	5%	Theo ĐHCĐ 2024	

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú/Note
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1493	1,1336	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,7739	0,8373	
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,82	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	4,77	4,63	
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	6,77	8,27	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,58	2,17	
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0119	0,0129	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,1778	0,1586	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0148	0,0161	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a. **Cổ phần:** Không thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2023	29/12/2023	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	7.455.406	7.455.406	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	7.450.806	7.450.806	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4.600	4.600	
4	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4.600	4.600	
5	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần			

b. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu đến 29/12/2023	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ )	%	57,67	57,67	
2	Cổ đông nhỏ ( $< 5\%$ )	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53	10,53	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47	89,47	
5	Cổ đông trong nước	%	99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài	%	0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước	%	0	0	

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có!d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

✦ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu

✦ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

## e. Các chứng khoán khác: Không có!

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:



6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

✚ **Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :**

- + NPL: 333.186 kg
- + Dịch chiết +Rượu+ còn: 28.779 lít
- + Nang: : 31.588.630 cái

✚ **Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :**

- + PVC + Nhôm + màng co...: 136.874 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn.. : 60.735.123 cái

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 2.221.670 KW/ năm

✚ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất 2.150.600 kw

✚ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 71.070 Kw

b. Tiêu thụ nước:

✚ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- + Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế
- + Số lượng nước đã sử dụng: 13.208 m<sup>3</sup>/Năm
  - ✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 12.081 m<sup>3</sup>/Năm
  - ✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 1.127 m<sup>3</sup>/Năm

✚ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

c. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

✚ Số lao động trung bình trong năm 2023: 201 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2023: 9 triệu đồng/ tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tuân thủ theo đúng quy định hiện hành!

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 4.276 giờ/năm

✚ Đào tạo các chương trình nâng cao tay nghề, phát triển kỹ năng và cập nhật kiến thức liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu công việc và xu hướng phát triển doanh nghiệp

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi:

- ✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh: 2 triệu đồng
- ✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

### III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### a) Tình hình thực hiện so với kế hoạch: :

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2022	KH năm 2023	TH 2023	So sánh thực hiện/KH
	1	2	3	4	5	6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.331	980	1245	127%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	15,908	19,5	20	102%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	11,358	3,9	4	102%
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:					
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	4,556	15,6	16,025	102%

##### b) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- ✚ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất, nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 39,6 triệu SPQĐ –đạt 132%/kế hoạch, Gấp 2 lần giai đoạn 2015-2020 với giá trị sản lượng 224 tỷ đồng đạt tỷ lệ 102%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;

##### ✚ Về tình hình kinh doanh:

- Năm 2023 MPC đạt hơn 1.245 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC.
- MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia

- ✚ Duy trì đối tác Xuất khẩu truyền thống tại Myanmar, Nhật bản, đồng thời phát triển đối tác có tiềm năng tại thị trường Tây Á ( Uzebeckistan; Kidystan, Azecbaijan, Gioegia) ; Giá trị kim ngạch Xuất khẩu cán mốc gần 2 triệu USD!

Tổng Thuốc đăng kí nước ngoài được cấp còn hiệu lực đến 31/12/ 2023 là 41 thuốc

- ⚡ Công tác Nghiên cứu sản phẩm mới và lập Hồ sơ đăng kí thuốc tiếp tục được chú trọng đầu tư toàn diện; Thành lập tổ nghiên cứu sản phẩm để đẩy nhanh tốc độ và chất lượng của HSDKT. Trong năm 2023 bộ phận NCPT đã được doanh nghiệp chú trọng để thúc đẩy tiến độ. Được cấp mới trong nước: 14 sản phẩm thuốc và 4 sản phẩm thực phẩm; Trong đó chủ yếu là thuốc tham gia đấu thầu ETC ; SDK thuốc mới cấp tại nước ngoài là 16 thuốc
- ⚡ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng. Đã tiến hành kiểm tra duy trì Giấy chứng nhận GMP, GSP.
- ⚡ Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả.

## 2. Tình hình tài chính: :

### a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
Số đầu năm	516,630,216,471	490,993,163,199	25,637,053,272
Số cuối năm	568,567,896,691	529,740,548,218	38,797,348,473

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2023) là 327 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 10,9 tỷ đồng chiếm 3,3 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 10,9 tỷ đồng

### b) Tình hình nợ phải trả

- ⚡ Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.
- ⚡ Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ ngắn hạn là 466 tỷ đ; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

Thời gian	Nợ ngắn hạn	Phải trả người bán	Vay Ngân hàng
Số đầu năm	427,189,324,059	54,812,760,827	341,864,834,975
Số cuối năm	466,892,268,552	47,269,464,125	396,621,056,484

- ⚡ Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Tiếp tục Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả .... của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Tăng cường công tác Quản trị Nhân sự, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt cùng với giao trách nhiệm cao nhất cho từng cá nhân theo từng vị trí đảm nhiệm và đánh giá hiệu quả về số lượng- Chất lượng- Thời gian thực hiện của từng nội dung!
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới ( Trà thảo dược) , bán hàng Online....
- ❖ Mở rộng nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Xây dựng kế hoạch 2024 và kế hoạch trong các năm tới Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kỳ 4 ( 2020-2025) đã thông qua và Mục tiêu- định hướng phát triển của HĐQT năm 2024 ( Tại mục IV.3 của báo cáo này!)

**4.1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2024:**

	CHỈ TIÊU	ĐV	KH 2023	TH 2023	KH 2024	Tỷ lệ % 2024/TH 2023	Ghi chú
A-	<b>TỔNG DOANH THU</b>	Tỷ Đ	980	1.245	984		
I/	<b>Hàng Sản xuất:</b>		263	270	324	Tăng 20%	NK4 tăng TB 10%
	<b>Tổng SP quy đổi</b>	Triệu SP	32	39,6	40		Gấp 2 lần NK3
II/	<b>Hàng Kinh doanh</b>		717		660		
B-	<b>LỢI NHUẬN</b>	Tỷ Đ	19,5		15,295		
C-	<b>THUẾ TNDN HIỆN HÀNH</b>	Tỷ Đ	3,9	4	3,059		
D-	<b>LN SAU THUẾ ( Theo KH):</b>	Tỷ Đ	15,6	16	10,500		
E-	<b>CỔ TỨC DƯ KIẾN</b>	%	Tối thiểu 10%	10%	10%		
G-	<b>VỐN ĐIỀU LỆ:</b>		74,554	74,554	74,554		
H-	<b>ĐẦU TƯ:</b>	Tỷ Đ		16,4	72,8		
H1	KH 2023 đã phê duyệt chuyển tiếp qua 2024	Tỷ Đ			12,9		
H2	Đầu tư mới 2024				59,977		

	CHỈ TIÊU	ĐV	KH 2023	TH 2023	KH 2024	Tỷ lệ % 2024/TH 2023	Ghi chú
a/	Đầu tư TBSX-KN-RD-BQ	Tỷ Đ			19,977		
b/	Kho Thuốc Phú bài				40		

#### 4.2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2024:

- a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH- Đào tạo:
- ❖ Tiếp tục Củng cố- Đào tạo toàn diện kỹ năng Quản lý điều hành- chuyên môn kỹ thuật- GPs.... cho Nhân sự quản lý ( HDQT- TGD- Giám đốc các Bộ phận- Trưởng các đơn vị ) đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
  - ❖ Tuyển dụng lao động trực tiếp để bảo đảm phương án SX tăng ca, đáp ứng chỉ tiêu phần đầu nâng công suất SX lên 40 triệu SPQĐ và Nhân lực bảo đảm Chiến lược nghiên cứu sản phẩm mới
  - ❖ Thực hiện Quy chế Lương , Thưởng – Nội quy lao động- Thỏa ước lao động đã sửa đổi ban hành và đăng ký đóng BHXH theo quy định hiện hành;
- b) Tiếp tục đầu tư mọi nguồn lực và xây dựng các phương án & Giải pháp đồng bộ nhằm phát triển Sản xuất, giảm Giá thành , Giá bán , bảo đảm cạnh tranh trên thị trường và Mở rộng Xuất khẩu.
- c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại doanh nghiệp
- d) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2024 :
- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực, hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu & lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
  - ❖ Nghiên cứu Thử Tương đương sinh học Thuốc theo quy định
  - ❖ Nghiên cứu mở rộng nhóm sản phẩm Mỹ phẩm, CBCL tại Nhà máy số 1- Khu CN Phú bài
- e) Hệ thống quản lý chất lượng: Tiếp tục Kiện toàn , đào tạo bổ sung cho hệ thống quản lý chất lượng ; Tiếp tục Duy trì đảm bảo mọi hoạt động tại Công ty tuân thủ các yêu cầu theo quy định các thực hành tốt GPs và các quy định hiện hành liên quan hoạt động Sản xuất- Kinh doanh- XNK

#### 4.3/ Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lý công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Quản trị Tài chính:
  - Kí kết lại hợp đồng tín dụng 2024 tại các ngân hàng; Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và

Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký lai với các ngân hàng thương mại;

- Quản lý và triển khai các CTKM bán hàng đúng quy định hiện hành

#### 4.4/ Đầu tư phát triển:

- ❖ Tiếp tục đầu tư Máy móc thiết bị Sản xuất, Kiểm tra chất lượng, Nghiên cứu, Bảo quản và nâng cấp hệ thống ĐHKK Nhà máy vô trùng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất và nâng công suất sản xuất đạt 40 triệu SPQĐ; Đáp ứng công tác quản lý và duy trì chất lượng theo chuẩn mực GPs up date;
- ❖ Đầu tư Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO tại tỉnh TT Huế.
- ❖ Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư để triển khai xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP tại khu CN Phú Bài nhằm đáp ứng mục tiêu nâng công suất sản xuất 40 triệu SPQĐ và đáp ứng điều kiện hoạt động Xuất nhập khẩu, Dịch vụ bảo quản

4.5/ Tiếp tục thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty theo quy định hiện hành

4.6/ Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2024 sẽ được biểu quyết thông qua

#### 5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) và Giải trình Lợi nhuận Thực hiện 2023 so với năm trước theo quy định của Chứng khoán:

- ✚ Về việc lợi nhuận năm nay tăng so với lợi nhuận năm : Lợi nhuận sau thuế năm 2023 ( 10,025 tỷ đồng) tăng so với 2022 ( 4,5556 tỷ đ) có các nguyên nhân chính sau:

- Lãi gộp năm 2023 và 2022 không chênh lệch nhiều.
- Năm 2022 sau khi thanh tra thuế giai đoạn 2019-2021, cty phải giảm lãi 3.8 tỷ của các năm trước, và nộp 11.3 tỷ tiền thuế nên lợi nhuận sau thuế còn 4,55 tỷ
- Năm 2023 Cty giảm chi phí QLDN từ 27,8 tỷ năm 2022 còn 23,4 tỷ năm; chi phí bán hàng giảm từ 20,889 tỷ năm 2022 xuống còn 20,093 tỷ; doanh thu hoạt động tài chính tăng từ 1,405 tỷ năm 2022 lên 1,853 tỷ;
- Năm 2023 Chi phí lãi vay tăng từ 26,592 tỷ lên 28,864 tỷ

Với các nguyên nhân trên nên năm 2023 lãi sau thuế tăng cao hơn 2022.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):** Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Mở rộng sản xuất để thu hút thêm lao động trên đại bàn TT Huế

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- ✚ Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất- kinh doanh đạt vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- ✚ Đặc biệt, năm 2024 đã nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 39,6 triệu SPQĐ với giá trị sản lượng 224 tỷ đồng đạt tỷ lệ 102%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ✚ Đã thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực từ cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT
- ✚ Thực hiện có hiệu quả về mục tiêu tập trung Nghiên cứu sản phẩm mới chiến lược sản phẩm nhóm hàng sản xuất tại DN
- ✚ Củng cố duy trì hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn mực GPs và ISO
- ✚ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:**

- b. Tổng giám đốc ( TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- c. Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2023 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2024 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ. Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2024 theo đúng quy định hiện hành.
- d. Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp trong việc lấy ý kiến góp ý để xây dựng và thực hiện đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính ... để bảo vệ lợi ích chính đáng, hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024:**

- ❖ Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam. Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: Xây dựng



ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân

- ❖ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm, tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Tiếp tục đầu tư Máy móc thiết bị Sản xuất, Kiểm tra chất lượng, Nghiên cứu, Bảo quản và nâng cấp hệ thống ĐHKK Nhà máy vô trùng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất và nâng công suất sản xuất đạt 40 triệu SPQĐ; Đáp ứng công tác quản lý và duy trì chất lượng theo chuẩn mực GPs up date;
- ❖ Đầu tư Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO tại tỉnh TT Huế.
- ❖ Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư để triển khai xây dựng Kho bảo quản thuốc theo tiêu chuẩn GSP tại khu CN Phú Bài nhằm đáp ứng mục tiêu nâng công suất sản xuất 40 triệu SPQĐ và đáp ứng điều kiện hoạt động Xuất nhập khẩu, Dịch vụ bảo quản
- ❖ Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á...Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 2 triệu USD/năm

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị.

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- ⚡ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2023: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TVHĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

#### ⚡ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020



b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

⚡ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.

Cụ thể: 2023: Đã Ban hành 20 Nghị quyết về:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 01/2023/NQ/HĐQT- NK4	2/3/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>⚡ Thông qua Báo cáo Báo cáo Quản trị nội bộ về kết quả SX-KD 2022 của Medipharco</li> <li>⚡ Thông qua Báo cáo kiểm toán BC Tài chính năm 2022 đã được kiểm toán</li> <li>⚡ Thông qua Báo cáo thường niên năm 2022</li> <li>⚡ Thống nhất Thông qua Kế hoạch- Chương trình- Nội dung - Tiến độ Phân công chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ( ĐHCĐTN) năm</li> </ul>	100%
2	Số 02/2023/NQ/HĐQT	18/03/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• HĐQT thống nhất Phê duyệt Dự án sửa chữa 3 Nhà máy và văn phòng làm việc</li> </ul>	100%
3	Số 03/2023/NQ/HĐQT	22/04/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua: Tờ trình Phê duyệt chủ trương Lập dự án Tiền khả thi/Khả thi đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thuốc theo tiêu chuẩn GMP Châu Âu (GMP-EU) tại Khu Công nghiệp Phú Bài, Tỉnh Thừa Thiên Huế</li> </ul>	100%
4	Số 04/2023/NQ/HĐQT	12/05/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thống nhất thông qua phương án vay vốn của Vietinbank</li> </ul>	100%
	Số 05/2023/NQ/HĐQT	22/06/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• V/V Bổ nhiệm cán bộ quản lý chủ chốt của Doanh nghiệp ( Phó phòng cơ điện)</li> </ul>	100%
6	Số 06/2023/NQ/HĐQT	22/06/2023	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt dự án đầu tư Sơn Epoxy Nhà Xưởng</li> </ul>	100%
7	07/2023/NQ/HĐQT	1/7/23	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt đầu tư hệ thống nước tinh khiết cho 3 nhà máy</li> </ul>	100%
8	08/2023/NQ/HĐQT	10/07/23	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt phương án vay vốn VCB năm 2023</li> </ul>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	09/2023/NQ/HĐQT	10/07/2023	• Bỏ nhiệm chức vụ Thư kí của HĐQT	100%
10	10A/2023/ NQ/HĐQT-NK4	21/09/23	V/V Phê duyệt các phương án tiếp tục thuê đất và Trả lại đất;	100%
11	10B/2023/ NQ/HĐQT-NK4	06/10/23	V/V Phê duyệt tạm dừng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi xây dựng nhà máy SX Thuốc GMP-EU và lập phương án đầu tư xây dựng Kho tại khu CN Phú Bài	100%
12	Số: 11/2023/NQ- HĐQT-NK4	06/10/23	V/v vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân	100%
13	Số: 12/2023/ NQ/HĐQT-NK4	11/10/23	Phê duyệt Nhà thầu trúng thầu thi công Đầu tư hệ thống nước tinh khiết cho 3 nhà máy	100%
14	Số: 13/2023/ NQ/HĐQT-NK4	25/10/23	Phê duyệt Đầu tư Cân phân tích 5 số lẻ cho phòng QC	100%
15	Số: 14/2023/ NQ/HĐQT-NK4	07/11/23	V/V Phê duyệt Dự án Thuê đất phát triển Trại nuôi trồng, chế biến biến Dược liệu theo tiêu chuẩn GACP -WHO	100%
16	Số: 15/2023/ NQ/HĐQT-NK4	13/11/23	V/V CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2023	100%
17	Số: 16/2023/NQ- HĐQT-NK4	7/12/23	Phê duyệt dự kiến Kế hoạch năm 2024 để trình ĐHCĐTN 2024	100%
18	Số 17/2023/NQ- HĐQT-NK4	7/12/23	• Phê duyệt bỏ nhiệm cán bộ chủ chốt	100%
19	Số 18/2023/NQ- HĐQT-NK4	14/12/23	• Phê duyệt Chủ trương Đầu tư Thiết bị sản xuất cho nhà máy Cephalosporin	100%
20	Số 19/2023/NQ- HĐQT-NK4	19/12/23	• Phê duyệt Đầu tư Máy Quang phổ UV-VIS cho phòng QC	100%

#### ⚡ Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- ✓ Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- ✓ Giám sát và phê duyệt thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Công tác Bỏ nhiệm hoặc miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty ; Giám sát và phê duyệt phương án đầu tư ....cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
- ✓ Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2024 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại

101  
VG  
IN  
HA  
TAT

hội đồng cổ đông thường niên 2024 ; Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lý điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT& Ban KS ...

- ✚ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính để bảo đảm đúng quy định hiện hành ; Giám sát và công bố thông tin v/v kí hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2023 đúng quy định
- ✚ HĐQT quản lý- giám sát Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lý của TGD và KTT.
- ✚ Thực hiện lợi ích của Cổ đông:
  - Đã chi trả cổ tức 2022 bằng tiền sau khi có Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2023 biểu quyết thông qua đúng quy định
  - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NB 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty ( của VCCI tổ chức): Tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo các nội dung liên quan của UBCKNN và HNX tổ chức

## 2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 30/12/2023:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1.059%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	TV	Cử nhân kinh tế- Kế toán	10,17%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

- b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty
- ❖ Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động của doanh nghiệp theo đúng Điều lệ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.

1140  
TY  
ƯỚC  
CƠ  
IÊN H

- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
- ❖ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

##### ⚡ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

*DVT: triệu đồng VN*

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	120	0
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	72	0
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	72	0
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	48	0
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	24	0
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	24	0
	<b>Cộng</b>		360	0

⚡ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2023: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 822 triệu đồng, đã bao gồm lợi ích khác.

⚡ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2023		Cuối năm 29/12/2023	
			Số CP	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	96.505	1,29	96.505	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	625.266	8,39	625.266	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.131.196	15,17	1.131.196	15,17

b) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Đến thời điểm 31/12/2023: Không có!

c) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có!

d) **Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

↓ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung quy định hiện hành!

↓ **Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên
- Ra Nghị quyết v/v phân công từng thành viên HĐQT

#### VI. **Báo cáo tài chính:**

#### VII. **Báo cáo tài chính**

1) **Ý kiến kiểm toán:** Chấp thuận báo cáo tài chính năm 2023 của Doanh nghiệp

#### 2) **BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**

##### a. **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2023:**

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2022	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1 331 150 806 386	1 248 310 415 990
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	2 601 283 623	2 515 096 758
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	1 328 549 522 763	1 245 795 469 232
4.	Giá vốn hàng bán	11	1 244 812 443 259	1 155 293 095 003



CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2022	Năm 2023
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	83 737 079 504	90 502 224 229
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1 405 033 975	1 853 317 808
7.	Chi phí tài chính	22	26 592 777 021	28 864 446 378
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	26 307 574 214	21 675 999 462
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9.	Chi phí bán hàng	25	20 889 847 192	20 093 992 608
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17 908 158 907	23 351 493 998
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	19 751 330 359	20 045 609 053
12.	Thu nhập khác	31	668 564 723	277 039 294
13.	Chi phí khác	32	4 511 804 495	226 809 707
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	- 3 843 239 772	50 229 587
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	15 908 090 587	20 095 838 640
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	11 351 178 065	4 075 333 523
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	4 556 912 522	16 020 505 117

**b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2023):**

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2022	31/12/2023
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	490 878 163 200	529 740 548 218
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	12 120 125 751	9 687 517 892
1.	Tiền	111	12 120 125 751	9 687 517 892
2.	Các khoản tương đương tiền	112		20 200 000 000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	20 000 000 000	34 400 000 000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	20 000 000 000	34 400 000 000
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	282 266 571 864	327 252 157 574
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	274 582 447 501	323 416 319 633
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15 626 997 876	12 602 807 417

3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	1 933 624 299	2 163 236 710
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(9 876 497 812)	(10 930 206 186)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	170 259 634 933	132 511 785 741
1.	Hàng tồn kho	141	183 774 143 708	139 657 983 215
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(13 514 508 775)	(7 146 197 474)
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	6 231 830 652	7 689 087 011
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	337 325	347 984 144
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	6 178 493 327	7 034 851 825
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		306 251 042
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	25 752 053 272	38 827 348 473
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6.	Phải thu dài hạn khác	216		
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	24 514 834 476	27 653 441 732
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	24 514 834 476	27 653 441 732
	- Nguyên giá	222	89 408 367 971	98 874 526 349
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(64 893 533 495)	(71 221 084 617)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3.	Tài sản cố định vô hình	227		
	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		
	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		3 155 866 000
1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		

2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3 155 866 000
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1.	Đầu tư vào công ty con	251		
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>1 237 218 796</b>	<b>8 018 040 741</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	1 237 218 796	8 018 040 741
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4.	Tài sản dài hạn khác	268		
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>516 630 216 472</b>	<b>568 567 896 691</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>		
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>427 189 324 060</b>	<b>466 892 268 552</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>427 189 324 060</b>	<b>466 892 268 552</b>
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	54 812 760 828	47 269 464 125
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18 733 018 200	5 870 244 866
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1 355 733 008	900 900 681
4.	Phải trả người lao động	314	7 678 964 060	6 117 665 453
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1 372 832 414	2 635 150 900
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	296 134 756	
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	741 151 619	7 396 344 453
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	341 864 834 975	396 621 056 484
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	333 894 200	81 441 590
3.	Quỹ bình ổn giá	323		
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7.	Phải trả dài hạn khác	337		
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		



12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>89 440 892 412</b>	<b>101 675 628 139</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>89 440 892 412</b>	<b>101 675 628 139</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	74 554 060 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	(92 000 000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	2 379 404 970	2 922 702 476
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	6 130 464 129	6 358 309 755
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4 987 235 190	16 450 827 785
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	430 322 668	430 322 668
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	4 556 912 522	16 020 505 117
2.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		
1.	Nguồn kinh phí	431		
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>516 630 216 472</b>	<b>568 567 896 691</b>

**Nơi gửi:**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

Huế, ngày 4 tháng 03 năm 2024

**CHỦ TỊCH HĐQT****ĐS. PHAN THỊ MINH TÂM**